TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **10/**2022/QĐST-HNGĐ	*Thanh Ba, ngày 18 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 200/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Trần Lý B,** sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu 1 xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Khu 1 xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Lý B và chị Nguyễn Thanh B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Lý B và chị Nguyễn Thanh B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trần Lý B và chị Nguyễn Thanh B đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Gia B, sinh ngày 03/7/2014 và Trần Anh T, sinh ngày 30/8/2017. Các con chung đang sống cùng anh B. Khi ly hôn hai bên thống nhất: giao cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Anh T, sinh ngày 30/8/2017. Giao cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Gia B, sinh ngày 03/7/2014. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên có quyên, nghĩa vụ chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

-Về tài sản chung, công nợ chung, công nợ chung: công sức đóng góp cho gia đình và đất nông nghiệp: Anh Trần Lý B và chị Nguyễn Thanh B đều thừa nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: Anh Trần Lý B nhận nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh B đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2020/0003278 ngày 23/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba. Hoàn trả lại cho anh Trần Lý B 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Ba;
- UBND xã Đ;
- Chi cục THA huyện Thanh Ba;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Lệ Thanh